TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2018/HNGĐ- ST Ngày: 25/ 01/ 2018 *(V/v: Ông Tạ Văn L xin ly hôn bà Vũ Thị T)*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: *Ông Vũ Văn Hoan.*
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Trung;
2. Ông Viêm Văn Doãn;
- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: *Bà Hạp Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.*
- Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: *Ông Cao Đăng Xứng - kiểm sát viên.*

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 478/2017/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu tập thể Lữ đoàn 229, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu tập thể Lữ đoàn 229, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2017 và các lời khai tiếp theo tại Toà án và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn là ông Tạ Văn L trình bày: ông và bà Vũ Thị T tổ chức hôn lễ ngày 05 tháng 9 năm 1991, trước khi tổ chức hôn lễ thì ông và bà T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau hôn lễ, bà T về làm dâu nhà ông ngay. Cuộc sống chung giữa vợ chồng ông, bà ban đầu cũng hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T không tâm lý đến công việc và công tác của ông, nhiều lần làm mất uy tín và danh dự của ông, hai vợ chồng sống li thân suốt từ đầu năm 2010 đến nay không

còn quan hệ tình cảm qua lại với nhau nữa. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T được nữa, ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa ông và bà T có 02 con chung là:

Tạ Tiến Th, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993;

Tạ Tiến N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995;

hiện cả hai con chung đều đã đủ 18 tuổi, nếu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T, các con chung ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà hôm nay, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Bị đơn là bà Vũ Thị T trình bầy: Bà thừa nhận lời trình bầy của ông L về thời điểm tổ chức hôn lễ, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, tài sản chung và công nợ chung. Về quan hệ hôn nhân, bà cho rằng giữa bà và ông L có đăng ký kết hôn, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng bà cho rằng: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông L có quan hệ bất chính với người khác nên ông L không quan tâm tới gia đình, đến cuối năm 2015 thì ông L bỏ nhà lên chung sống như vợ chồng với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 ở thôn Me, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; bà và gia đình ông L nhưng không được. Nay ông L xin ly hôn, bà không nhất trí vì ông L do có quan hệ bất chính với người khác nên muốn ly hôn với bà.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa ông L và bà T có 02 con chung là:

Tạ Tiến Thành, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993;

Tạ Tiến Ngữ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995;

Hiện cả hai con chung đều đã đủ 18 tuổi, nếu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T, các con chung ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung: Không có tài sản gì đáng giá, chỉ có một số đồ dùng sinh hoạt gia đình, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về công nợ chung: Không có;

Về công sức đóng góp: Trong thời gian bà chung sống với gia đình ông L, thì bà có bỏ công sức tân tạo đất ở của gia đình, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà T, nhưng bà T cố tình vắng mặt tại phiên tòa, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Vũ Thị T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là bà Vũ Thị T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T là

vợ chồng; Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa ông L và bà T có 02 con chung là: Tạ Tiến Thành, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 và Tạ Tiến Ngữ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995; Hiện các con chung giữa ông L và bà T đều đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không có; Về công nợ và công sức đóng góp, ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T tổ chức hôn lễ ngày 05 tháng 9 năm 1991, trước khi tổ chức hôn lễ thì ông và bà T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn; Xét thấy đây là hôn nhân hợp không pháp vì không tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn.

Sau khi tổ chức hôn lễ, bà T về chung sống cùng gia đình ông L ngay, cuộc sống chung giữa hai người ban đầu cũng hòa thuận hạnh phúc; Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, nên không quan tâm tới bà T và các con chung. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T, bà T không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử thấy: Tuy ông L và bà T có tổ chức hôn lễ từ năm 1991, ông L cho rằng giữa ông L và bà T không có đăng ký kết hôn và có cung cấp cho Tòa giấy xác nhận của UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xác nhận ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T không đăng ký kết hôn; Phía bà Vũ Thị T cho rằng giữa bà và ông Tạ Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Tòa án đã yêu cầu bà T cung cấp tài liệu chứng cứ xác định việc bà và ông Tạ Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, theo như bà T trình bầy, nhưng bà T không cung cấp cho tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào xác định giữa bà với ông Tạ Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; Tòa án cũng đã tiến hành làm việc với cán bộ tư pháp của UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang để làm rõ việc ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T có đăng ký kết hôn UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tại thời điểm như bà T trình bầy, nhưng do hỏa hoạn, nên sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Trí Yên từ thời điểm năm 1991 trở về trước không còn, chỉ còn quyển sổ đăng ký kết hôn từ năm 1992 trở lại đây, sau khi tra cứu quyển sổ này cũng không thấy có tên ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T, nên không có căn cứ để xác định bà Vũ Thị T và ông Tạ Văn L có đăng ký kết hôn, do vậy cần xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Tạ Văn L là không có đăng ký kết hôn - là hôn nhân không hợp pháp, cần tuyên bố không công nhận ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T có 02 con chung là: Tạ Tiến Thành, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 và Tạ

Tiến Ngữ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995; Hiện các con chung giữa ông L và bà T đều đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3. Về tài sản chung: Không có; Về công nợ và công sức đóng góp, ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tạ Văn L phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 239, 243, 248, 254, 260, 261, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T là vợ chồng

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông Tạ Văn L và bà Vũ Thị T có 02 con chung là: Tạ Tiến Thành, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1993 và Tạ Tiến Ngữ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995; Hiện các con chung giữa ông L và bà T đều đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3. Về tài sản chung: Không có; Về công nợ và công sức đóng góp, ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tạ Văn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Hoa đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000250 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh; Xác nhận ông L đã nộp đủ án phí ly dân sự thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
-UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Hoan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Quốc Trung Viêm Văn Doãn	**Vũ Văn Hoan**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND TP Bắc Ninh;*
- *UBND xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;*
- *THADS TP Bắc Ninh;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Hoan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Trung **Viêm Văn Doãn** **Vũ Văn Hoan**